| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ PHÚ MỸ**<br>**TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 119/2023/HNGĐ-ST<br>Ngày 29-9-2023<br>V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Huỳnh Thanh Trà

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Trần Thị Lệ

Ông Trịnh Văn Đăng

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023, về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên toà số 67/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13-9-2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1987; trú tại: Tổ X, khu phố T, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; (có mặt).
- Bị đơn: Ông Trần Đinh Duy V, sinh năm 1986; trú tại: Tổ X, khu phố T, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Theo Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày***:

Bà H và ông V tự nguyện kết hôn và đã được Uỷ ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 153/2011 vào ngày 29-3-2011.

Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông V không quan tâm đến vợ con, tham gia đánh bạc gây nợ nần cho gia đình và thường xuyên bỏ nhà đi

không về nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cải nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã không còn sống chung với nhau đã 6 năm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà H yêu cầu ly hôn ông V để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng bà H, ông V có 01 (một) con chung là Trần Tuấn K, sinh ngày 03-5-2012. Hiện tại con chung do bà H nuôi dưỡng nên bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đối với bị đơn ông Trần Đinh Duy V:*** Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông V thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, và các văn bản tố tụng khác, nhưng ông V không tham gia làm việc, hoà giải, không cung cấp tài liệu chứng cứ đồng thời vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

* ***Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:***

- *Về tố tụng:* Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý và giải quyết vụ việc trên là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ vào lời khai của bà H xác định mâu thuẫn vợ chồng bà H là có thật. Xét mâu thuẫn vợ chồng bà H, ông V đã đến mức trầm trọng, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H.

Về con chung: con chung của bà H, ông V hiện tại được bà H nuôi dưỡng do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, xác định vụ việc giải quyết trên thuộc loại quan hệ về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo kết quả xác minh cho thấy ông V không có mặt ở địa phương tại thời điểm bà H khởi kiện. Tuy nhiên, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của HĐTP Tòa án NDTC hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 BLTTDS thì ông V được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án nhân dân thị xã

Phú Mỹ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Đinh Duy V đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Nội dung giải quyết.

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Trần Thị H, ông Trần Đinh Duy V tự nguyện đăng ký kết hôn và đã được Uỷ ban nhân dân xã Tam Dân, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 153/2011 vào ngày 29-3-2011 đúng quy định. Do đó hôn nhân của bà H, ông V là hợp pháp.

Theo bà H xác định quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn do ông V tham gia đánh bạc gây nợ nần cho gia đình, không quan tâm đến vợ con, nên vợ chồng xảy ra cải nhau và đã không còn sống chung 6 năm. Xét lời khai của bà H tuy chỉ một phía, nhưng quá trình giải quyết vụ án ông V không tham hoà giải để đoàn tụ vợ chồng, đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng bà H, ông V là có thật. Thời gian vợ chồng không còn sống chung đã lâu nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn nên xác định mâu thuẫn đến mức trầm trọng và không thể hàn gắn được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà H, cho bà H được ly hôn với ông V là phù hợp.

[2.2] *Về con chung:*

Bà Trần Thị H, ông Trần Đinh Duy V có một con chung Trần Tuấn K, sinh ngày 03-5-2012. Xét yêu cầu của bà H về giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng thì thấy: hiện tại con chung do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, phát triển bình thường, nên cần tiếp tục giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, là phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng của con chung. Do đó, yêu cầu của bà H về việc giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng được chấp nhận. Bà H không yêu cầu ông V cấp dưỡng nên ông V không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà H, ông V không yêu cầu nên không xem xét.

[3] *Về án phí*: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Bà H, ông V được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 84, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017;

Khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Uỷ ban thượng vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với ông Trần Đinh Duy V về ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Trần Đinh Duy V.

- Về con chung: Bà Trần Thị H, ông Trần Đinh Duy V có 01 (một) con chung Trần Tuấn K, sinh ngày 03-5-2012.

Giao con chung Trần Tuấn K cho bà Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Trần Đinh Duy V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Đinh Duy V có quyền và nghĩa vụ thăm, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Vì lợi ích mọi mặt của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết

2. Án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007158 ngày 31 tháng 5 năm 2023, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Như vậy, bà H đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Huỳnh Thanh Trà**

***Nơi nhận***:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã Tam Dân;
- Lưu hồ sơ.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thanh Trà**